

Số: 102/2021/TT-BTC

Hà Nội, ngày 17 tháng 11 năm 2021

**THÔNG TƯ**

**Quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam**

*Căn cứ Luật chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá và Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;*

*Căn cứ Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh;*

*Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý giá và Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;*

*Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Tổ chức cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Thông tư này bao gồm: các tổ chức kinh doanh chứng khoán (công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam), ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Trung tâm dịch vụ,

doanh nghiệp đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là các tổ chức cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán).

2. Tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán được cung cấp bởi tổ chức cung cấp dịch vụ chứng khoán nêu tại khoản 1 Điều này.

3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

### **Điều 3. Giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán**

1. Giá dịch vụ áp dụng tại các tổ chức cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán được quy định chi tiết tại Biểu giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư này.

Căn cứ quy định pháp luật về giá, pháp luật có liên quan, mức giá tối đa, khung giá quy định tại Biểu giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư này, các tổ chức cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán quyết định mức giá cụ thể phù hợp với thực tế cung ứng dịch vụ.

2. Giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán quy định tại Thông tư này là giá không chịu thuế giá trị gia tăng theo quy định tại Luật thuế giá trị gia tăng và văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

3. Khi thu tiền dịch vụ, các tổ chức cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán sử dụng hóa đơn theo quy định của pháp luật.

4. Nguồn thu từ cung cấp dịch vụ, sau khi thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật thì phần còn lại tổ chức cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật.

5. Đối với các dịch vụ khác không quy định tại Biểu giá, các tổ chức cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán được tự định giá và chịu trách nhiệm về mức giá dịch vụ do mình cung ứng phù hợp với thực tế cung ứng dịch vụ, quy định của pháp luật về giá, pháp luật về chứng khoán, pháp luật có liên quan.

6. Các tổ chức cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán phải thực hiện niêm yết giá, công khai giá, chấp hành theo quy định của pháp luật về giá, pháp luật về chứng khoán và văn bản hướng dẫn có liên quan.

### **Điều 4. Điều khoản thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 và thay thế Thông tư số 128/2018/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam.

2. Đối với các hợp đồng cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán đã được ký kết trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Thông tư số 128/2018/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam cho đến khi kết thúc hợp đồng.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung./

**Nơi nhận:**

- Thủ tướng Chính phủ, các Phó thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Công báo;
- Sở Tài chính, Cục Thuế, Kho bạc Nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Website Chính phủ;
- Website BTC;
- Lưu: VT, QLG (400) *ML*

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Tạ Anh Tuấn**

**BIỂU GIÁ DỊCH VỤ TRONG LĨNH VỰC CHỨNG KHOẢN AP DÙNG  
TẠI CÁC TỔ CHỨC DOANH NGHIỆP CHỨNG KHOẢN, NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI THAM GIA  
THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOẢN VIỆT NAM**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 102/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

**A. GIÁ DỊCH VỤ AP DÙNG TẠI THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOẢN CƠ SỞ**

STT	TÊN GIÁ DỊCH VỤ	MỨC GIÁ	TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ TRONG LĨNH VỰC CHỨNG KHOẢN	ĐỘI TƯỢNG TRẢ
1	Giá dịch vụ bảo lãnh phát hành khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước	Từ 0,5% đến 2% tổng giá trị bao lãnh phát hành đối với cổ phiếu	Tổ chức thực hiện bảo lãnh phát hành	Tổ chức phát hành
2	Giá dịch vụ môi giới mua, bán cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền có bảo đảm			
a)	Giá dịch vụ môi giới mua, bán cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền có bảo đảm (áp dụng cho chứng khoán niêm yết và chứng khoán đăng ký giao dịch)	Tôi đa 0,45% giá trị giao dịch	Công ty chứng khoán	Khách hàng
b)	Giá dịch vụ môi giới mua, bán cổ phiếu, chứng chỉ quỹ niêm yết đăng ký giao dịch, chứng quyền có bảo đảm trong tương hợp bản (thoại) nhân vốn nhà nước và vốn của doanh nghiệp nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác (bao gồm việc chuyển nhượng ngoại hệ thông giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán)	Tôi đa 0,03% giá trị giao dịch và tối đa không quá 3 tỷ đồng/01 lần giao dịch/01 tổ chức bản (thoại) vốn, mức giá trên chưa bao gồm khoản tiền mà công ty chứng khoán nộp cho Sở giao dịch chứng khoán và Tổng công ty lưu ký và bù trừ (nếu có). Trường hợp đặc biệt mà chi phí cung cấp dịch vụ vượt mức tối đa, các đơn vị báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính		

		xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật về giá và pháp luật liên quan.
3	Gia dịch vụ quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	Tôi da 2%/gia trị tài sản ròng của quỹ (NAV) hoặc giá trị tài sản ròng của danh mục/năm
4	Gia dịch vụ giám sát tài sản của quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng	Tôi da 0,15% giá trị tài sản giám sát
	Ngân hàng giám sát	
	Quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng	Quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng
5	Gia dịch vụ đại diện người sở hữu trái phiếu	Tôi da 0,1% tổng giá trị trái phiếu phát hành
	Tổ chức phát hành trái phiếu	Đại diện người sở hữu trái phiếu theo quy định của pháp luật
6	Gia dịch vụ phát hành chứng chỉ quỹ đầu tư, cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	
	chứng khoán đại chúng	
	đồng, cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	
a)	Tổng giá trị chứng chỉ quỹ, cổ phiếu chào bán dưới 500 tỷ đồng	2%/vốn huy động/dợt phát hành chứng chỉ quỹ, cổ phiếu
b)	Tổng giá trị chứng chỉ quỹ, cổ phiếu chào bán trên 500 tỷ đồng đến dưới 1000 tỷ đồng	1,5%/vốn huy động/dợt phát hành chứng chỉ quỹ, cổ phiếu
c)	Tổng giá trị chứng chỉ quỹ, cổ phiếu chào bán từ 1000 tỷ đồng trở lên	1%/vốn huy động/dợt phát hành chứng chỉ quỹ, cổ phiếu
7	Gia dịch vụ phát hành, mua lại, chuyển đổi chứng chỉ quỹ	
	chuyển đổi chứng chỉ quỹ	
a)	Gia dịch vụ phát hành chứng chỉ quỹ	Tôi da 5%/gia trị giao dịch
b)	Gia dịch vụ mua lại, chuyển đổi chứng chỉ quỹ	Tôi da 3%/gia trị giao dịch
8	Gia dịch vụ phát hành, mua lại chứng chỉ quỹ ETF	
a)	Gia dịch vụ phát hành, mua lại chứng chỉ quỹ ETF áp dụng đối với nhà đầu tư	Tôi da 1%/gia trị giao dịch
b)	Gia dịch vụ phát hành, mua lại chứng chỉ quỹ	Tôi da 0,5%/gia trị giao dịch
	Khách hàng (nhà đầu tư)	Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán
	Khách hàng	Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán
	Khách hàng (thành viên)	Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán

STT	TÊN GIA DỊCH VỤ	MỨC GIÁ	TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ TRONG LINH VỰC CHỨNG KHOẢN	ĐỘI TƯỢNG TRẢ
1	Gia dịch vụ môi giới hợp đồng tương lai	Tôi đa 5.000 đồng/Hợp đồng tương lai Tôi đa 8.000 đồng/Hợp đồng tương lai chỉ số	Công ty chứng khoán	Khách hàng

**B. GIA DỊCH VỤ ÁP DỤNG TẠI THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOẢN PHẢI SINH**

9	GIA DỊCH VỤ THANH TOÁN BÙ TRỪ TIỀN GIAO DỊCH CHỨNG KHOẢN	Chỉ quỹ ETF áp dụng đối với thành viên lập quỹ	Thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp, thành viên bù trừ sau 12 tháng kể từ ngày chính thức trên khai cơ chế đối tác bù trừ trung tâm	Ngân hàng thanh toán	Các tổ chức cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán được phép trên tổng giá trị cổ phần và các loại chứng khoán được bán đầu giá cổ phần và các loại chứng khoán theo quy định của pháp luật pháp luật	0,01% giá trị thanh toán của từng thành viên/phương thức thanh toán/ngày thanh toán, nhưng tối thiểu không thấp hơn 5.000 đồng/ngày/thành viên, tôi đa 300.000 đồng/ngày/thành viên	0,001% giá trị thanh toán của từng thành viên/phương thức thanh toán/ngày thanh toán, nhưng tối thiểu không thấp hơn 5.000 đồng/ngày/thành viên, tôi đa 300.000 đồng/ngày/thành viên	Từ 20 triệu đồng/1 cuộc bán đầu giá cổ phần/mỗi loại chứng khoán đến 0,15% trên tổng giá trị cổ phần và các loại chứng khoán thực tế bán được, tôi đa là 150 triệu đồng/1 cuộc bán đầu giá	10	Gia dịch vụ đầu giá	Trái phiếu doanh nghiệp	Các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có cổ phần

**THƯ VIỆN PHÁP LUẬT** \* Tet +84-28-3930 3270 \* www.ThuVienPhapLuat.com

		<p>trái phiếu Chính phủ (các mức giá tên chưa bao gồm khoản tiền giá dịch vụ giao dịch chứng khoán phái sinh, dịch vụ quản lý vị thế, dịch vụ bù trừ chứng khoán phái sinh, dịch vụ sửa lỗi sau giao dịch chứng khoán phái sinh, dịch vụ quản lý tài sản kỹ quỹ mà công ty chứng khoán nộp cho Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty Lưu ký dịch chứng khoán, Tổng công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam theo quy định)</p>		
--	--	--	--	--